

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1613/2025/DS-ST

Ngày: 20 - 11 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Nguyễn Thị Bình Thân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0216/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là A; địa chỉ: 442 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường BC (trước đây là Phường Y, Quận U), Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông E- đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2025); sinh năm: 1984; địa chỉ: CMT, phường NL (trước đây là Phường R, Quận F), TP. Hồ Chí Minh, (có mặt);

Bị đơn là bà B, sinh năm: 1974; căn cước công dân: 079174005249; địa chỉ: PH, phường TT (trước đây là Phường Y, quận BT), Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: A (sau đây viết tắt là A) cấp tín dụng cho bà B theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06 tháng 3 năm 2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của bà B ký với A về việc sử

dụng thẻ tín dụng, cụ thể số thẻ tín dụng được cấp: 436599** **** 4488, cấp ngày 10/3/2020, loại thẻ: Visa Signature với hạn mức 100.000.000 đồng, thời hạn tháng 3/2023, lãi suất, phí theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Thực hiện hợp đồng, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do vậy căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 20/10/2023, Ngân hàng ban hành thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 20/11/2025, bà B còn nợ: vốn gốc: 51.774.355 đồng, lãi quá hạn: 40.899.180 đồng, tổng cộng: 92.673.535 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà B phải trả số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà B còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/3/2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Akẽ từ ngày 21 tháng 11 năm 2025 đến ngày trả hết nợ.

Bị đơn là bà B trình bày: Bà có đề nghị cấp thẻ tín dụng tại A vào ngày 06 tháng 3 năm 2020 với hạn mức được cấp là 100.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ bà có đăng ký hình thức tự khấu trừ khoản vay từ tài khoản 11678968, như vậy bà không vi phạm thời hạn trả nợ, và bà không nhận được thông tin từ phía ngân hàng đối với khoản tiền còn nợ. Nay bà đồng ý trả số nợ gốc là 51.774.355 đồng, đối với tiền lãi thì bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của A có mặt. Bà B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và xác định tư cách đương sự quan hệ tố tụng giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 26, Điều 68, Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06 tháng 3 năm 2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á Châu, thẻ hiện bị đơn đã ký kết và được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Căn cứ tóm bảng kê giao dịch do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 667.294.742 đồng, đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 679.888.021 đồng, số nợ gốc còn lại là 51.774.355 đồng. Từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến nay, bị đơn liên tục không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng, nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 9, Điều 12 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A được ký kết giữa các bên, vì vậy nguyên đơn có đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc như đã nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với tiền lãi quá hạn: Bị đơn không đồng ý trả do không nhận được thông báo của ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 03 năm 2020, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, đồng thời phía ngân hàng đã gửi thư bảo đảm có hồi báo vào các ngày 24 tháng 7 năm 2024, ngày 20 tháng 11 năm 2024 và gửi tin nhắn tự động đến số điện thoại của bị đơn. Do vậy, việc bị đơn cho rằng không nhận được thông báo của ngân hàng nên không đồng ý trả lãi là không có cơ sở để chấp nhận. Tại bảng kê tính lãi nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2025 là 40.899.180 đồng, nguyên đơn áp dụng lãi quá hạn trong khoản thời gian nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ -HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận và cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn là 40.899.180 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06 tháng 3 năm 2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Acho đến khi thanh toán hết nợ.

Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn, tiền lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 92.673.535 đồng x 5% = 4.633.676 đồng;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.846.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054785 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 -Thành phố Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của A, buộc bà B phải trả cho A số tiền tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2025 là: 92.673.535 (chín mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm ba mươi lăm) đồng, bao gồm: nợ gốc là 51.774.355 đồng, lãi quá hạn là 40.899.180 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06 tháng 3 năm 2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2025, bà B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06 tháng 3 năm 2020, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Atrương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí là 4.633.676 đồng (bốn triệu, sáu trăm ba mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi sáu) đồng;

A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.846.000 (một triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054785 ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố

Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. *Quyền kháng cáo*: A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND khu vực 5-TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Linh Phụng

